

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỘI ĐỒNG CHẤM THI KỲ THI CHỌN
ĐỘI TUYỂN OLYMPIC NĂM 2026

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI
KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN OLYMPIC NĂM 2026

MÔN: SINH HỌC

STT	Môn	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm N1	Điểm N2	Điểm N3	Tổng điểm	Ghi chú
1	Sinh học	0408	Thân Đức	Chính	08/10/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	13.25	12.775	2.8	28.825	Olympic Sinh học quốc tế
2	Sinh học	0417	Phùng Quang	Hưng	17/11/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	13.55	12.2	2.35	28.100	Olympic Sinh học quốc tế
3	Sinh học	0401	Nguyễn Thành	An	06/10/2008	12	ĐHQG Hà Nội	12.975	11.725	3.1	27.800	Olympic Sinh học quốc tế
4	Sinh học	0410	Nguyễn Lương Thái	Duy	01/02/2008	12	Thành phố Hà Nội	12.35	12.025	2.4	26.775	Olympic Sinh học quốc tế
5	Sinh học	0430	Vũ Thu	Trang	18/11/2008	12	Thành phố Hà Nội	10.5	12.625	2.45	25.575	
6	Sinh học	0413	Phạm Ngọc	Hà	28/01/2008	12	Thành phố Hải Phòng	11.825	10.55	2.3	24.675	
7	Sinh học	0420	Đặng Hoàng	Lâm	29/01/2008	12	Trường ĐHSP Hà Nội	10.075	11.75	2.7	24.525	
8	Sinh học	0423	Đặng Thảo	Nguyên	15/12/2008	12	ĐHQG Hà Nội	11.1	11.075	2.2	24.375	
9	Sinh học	0432	Mai Thanh	Tùng	04/10/2008	12	Thành phố Hà Nội	10.95	10.875	2.45	24.275	
10	Sinh học	0433	Nguyễn Trí	Tường	19/01/2009	11	ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	9.55	11.275	2.65	23.475	
11	Sinh học	0425	Huỳnh Gia	Phú	17/11/2008	12	Thành phố Hồ Chí Minh	11.725	9.925	1.8	23.450	
12	Sinh học	0421	Đỗ Gia	Linh	23/03/2008	12	Thành phố Hà Nội	10.5	11.325	1.4	23.225	
13	Sinh học	0416	Võ Huy	Hoàng	05/09/2008	12	Thành phố Huế	8.35	10.7	3.2	22.250	
14	Sinh học	0414	Phạm Vũ Hoàng	Hải	05/07/2008	12	Thành phố Hải Phòng	8.225	11.25	2.1	21.575	
15	Sinh học	0419	Hoàng An	Huy	13/01/2008	12	Thành phố Hà Nội	9.725	8.95	2.5	21.175	
16	Sinh học	0431	Đoàn Hải	Triều	07/11/2008	12	Thành phố Hà Nội	11.075	8	1.9	20.975	
17	Sinh học	0407	Nguyễn Văn Hoàng	Bách	02/05/2008	12	ĐHQG Hà Nội	9.475	9.125	2.3	20.900	
18	Sinh học	0405	Vũ Hồng	Anh	13/02/2008	12	Tỉnh Đồng Nai	9.475	9.55	1.85	20.875	
19	Sinh học	0418	Đặng Tài	Huy	29/04/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	8.325	10.75	1.65	20.725	
20	Sinh học	0415	Phan Minh	Hoàng	19/08/2009	11	Thành phố Hà Nội	9.175	9.95	1.4	20.525	

STT	Môn	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm N1	Điểm N2	Điểm N3	Tổng điểm	Ghi chú
21	Sinh học	0403	Lương Thị Phương Anh	24/05/2008	12	Tỉnh Phú Thọ	8.175	10.5	1.65	20.325	
22	Sinh học	0424	Phạm Kiều Oanh	25/04/2008	12	Tỉnh Tuyên Quang	9.325	8.825	2	20.150	
23	Sinh học	0427	Trần Bảo Thy	21/12/2008	12	Thành phố Đà Nẵng	8.275	9.575	2.2	20.050	
24	Sinh học	0422	Vũ Nhật Minh	17/01/2009	11	Thành phố Hải Phòng	9.65	7.55	2.3	19.500	
25	Sinh học	0412	Nguyễn Ngọc Thu Giang	03/12/2008	12	Trường ĐHSP Hà Nội	7.5	9.075	1.7	18.275	
26	Sinh học	0429	Võ Thùy Trang	17/07/2008	12	Trường ĐHSP Hà Nội	6.85	9.4	1.9	18.150	
27	Sinh học	0406	Lê Xuân Bách	18/11/2008	12	Thành phố Hải Phòng	6.75	9.525	1.55	17.825	
28	Sinh học	0404	Trần Đức Anh	20/03/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	7.9	8.4	1.25	17.550	
29	Sinh học	0411	Đặng Trần Nhật Đan	13/04/2009	11	Thành phố Hà Nội	8.675	8.15	0.7	17.525	
30	Sinh học	0409	Trịnh Xuân Trí Dũng	22/11/2009	11	Thành phố Hà Nội	7.775	7.325	1.85	16.950	
31	Sinh học	0402	Bùi Quang Anh	27/10/2008	12	Thành phố Hà Nội	7.9	7.625	0.55	16.075	
32	Sinh học	0426	Phan Trọng Quý	06/02/2008	12	Tỉnh Hà Tĩnh	7.25	6.9	1.55	15.700	
33	Sinh học	0428	Nguyễn Lê Minh Trang	23/07/2009	11	Tỉnh Thanh Hoá	6.175	7.8	1.2	15.175	